TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-04-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 và ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST- HNGĐ ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Trọng N, sinh năm 1981.

Thường trú: Đường T, Phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Bùi Ánh N1, sinh năm 1982.

Thường trú: Đường T, Phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Hoàng Diệu, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Legal Advice Việt Nam (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Lưu Trọng N trình bày: Ông và bà N1 đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 đôi bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, hai bên bất đồng quan điểm trong lối sống, cách cư xử, cách dạy con, dần dần cả hai không có tiếng nói chung. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N làm đơn yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Ông N xác định ông và bà N1 có một con chung tên Lưu Bùi Phúc Nguyên, sinh ngày 21/11/2012. Ông N đồng ý giao con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có.

Theo lời khai của bị đơn bà Bùi Ánh N1 trình bày: Bà và ông N kết hôn từ năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, ông bà ít xảy ra mâu thuẫn, vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng từ khi có người phụ nữ khác bên ngoài, ông N bỏ bê gia đình, con cái thì cả hai mới xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà N1 vẫn còn tình cảm với ông N và muốn cháu Nguyên lớn lên có đầy đủ tình thương của cả cha và mẹ nên bà N1 không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông N.

- Về con chung: Bà và ông N có một con chung tên Lưu Bùi Phúc Nguyên, sinh ngày 21/11/2012. Bà N1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, ông bà tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N1 xác định không có.

Tại phiên tòa, luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Bùi Ánh N1 trình bày: Ông N và bà N1 kết hôn với nhau là do tự nguyện. Mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh là do bà N1 nghi ngờ ông N có mối quan hệ với người khác, được người thứ ba xác nhận. Ông N đã nộp đơn yêu cầu ly hôn đơn phương. Tuy nhiên việc ly hôn phải do một trong các bên có hành vi sai trái. Trong trường hợp này, bà N1 vẫn toàn tâm toàn ý chăm sóc gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác đơn yêu cầu của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Do bị đơn bà Bùi Ánh N1 có địa chỉ cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Trọng N và bà Bùi Ánh N1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 cấp ngày 27/7/2009. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[2] **Về nội dung:**

2.1 Tại phiên tòa hôm nay, ông Lưu Trọng N và bà Bùi Ánh N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Xét yêu cầu của ông N, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình ông N, nguyên nhân ông N xin ly hôn là do giữa vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ, hai bên bất đồng quan điểm trong lối sống, cách cư xử, cách dạy con, bản thân bà N1 nghi ngờ ông N có mối quan hệ với người khác, từ đó bà N1 thường xuyên nhắn tin hăm dọa, có những hành động, lời nói gây gổ với ông N tại nhà cũng như tại cơ quan, làm cho ông bị ảnh hưởng đến uy tín, cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Ông N đã nhiều lần

nộp đơn ly hôn nhưng rút đơn về để vợ chồng có cơ hội khắc phục những điểm còn hạn chế của nhau, xây dựng lại gia đình. Tuy nhiên, cả hai bên vẫn không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Phía bà N1 xác định vẫn rất thương yêu chồng con, đã nhiều lần đề nghị ông N quay lại giữ gia đình, cháu Nguyên còn nhỏ cần được nuôi dưỡng và chăm sóc đầy đủ bằng tình cảm của cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu, không có sự tôn trọng lẫn nhau, việc ai người đó làm, không cùng quan tâm chăm sóc, vun vén hạnh phúc gia đình, không chung tay trong việc dạy dỗ con cái. Việc luật sư của bị đơn cho rằng việc ly hôn là một trong các bên phải có hành vi sai trái là không có cơ sở pháp luật theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa ông N và bà N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ để chấp nhận.

2.2 Về con chung: Căn cứ vào lời khai của ông N, bà N1 và trích lục khai sinh ngày 05/4/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông bà có một con chung tên Lưu Bùi Phúc Nguyên, sinh ngày 21/11/2012. Ông N và bà N1 đều đồng ý giao con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông N tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Bắt đầu thi hành từ ngày 01/5/2019. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của ông N và bà N1 xác nhận thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

[3] **Về án phí**: Ông N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng). Ông N còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Trọng N được ly hôn với bà Bùi Ánh N1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/7/2009).

- Về con chung: Giao con chung Lưu Bùi Phúc Nguyên, sinh ngày 21/12/2012 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông N cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Bắt đầu thi hành từ ngày 01/5/2019.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/năm trên số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông N không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lưu Trọng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2018/0016797 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Ông N còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- UBND P.7, Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh